

Bản án số: 16/2024/DS-ST  
Ngày: 13-8-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phước Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Võ Thành Phước.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Trân là Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST-DS, ngày 25 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh Tư Tâm.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Văn M, sinh năm 1959;

2. Bà Hà Thị N, sinh năm 1961.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Hoài P, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện lập ngày 12 tháng 4 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T trình bày:

Vào ngày 29/9/2018, chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T (sau đây gọi tắt là chị V) có hợp đồng bán thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất cho ông Trần Văn M và vợ là bà Hà Thị N. Theo hợp đồng chị V có giao thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất cho vợ chồng ông Trần Văn M để nuôi tôm theo đúng thỏa thuận. Trong quá trình nuôi tôm thì vợ chồng ông Trần Văn M không trả tiền đầy đủ rồi nợ lại, trong khi số tiền bán tôm còn dư ra rất nhiều. Sau đó, vợ chồng ông M hứa hẹn vụ sau sẽ trả đủ và xin chị V tiếp tục đầu tư nhiều vụ nuôi tiếp theo và chị V cũng đầu tư tiếp nhiều vụ nữa nhưng vợ chồng ông M vẫn không thực hiện đúng lời hứa và hợp đồng. Đến ngày 15/12/2020, vợ chồng ông M còn nợ lại chị V số tiền là 136.885.000 đồng. Đến ngày 24/12/2022 giữa chị V và vợ chồng ông M có đối chiếu lại sổ sách và vợ chồng ông M có xác nhận công nợ còn nợ lại chị V số tiền 136.885.000 đồng và đồng ý tính lãi suất 1%/tháng/số tiền nợ trên kể từ ngày 15/12/2020. Đến năm 2023, vợ chồng ông M có trả cho chị V số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng.

Theo đơn khởi kiện, chị V yêu cầu ông M và bà N phải có trách nhiệm trả cho chị V số tiền nợ gốc là 136.885.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 16/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng. Nay chị V thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án buộc ông M và bà N phải có trách nhiệm trả cho chị V số tiền nợ gốc là 126.885.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 16/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng.

Tại biên bản hòa giải ngày 18 tháng 7 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Văn M và bà Hà Thị N trình bày:

Tính đến ngày 15/12/2020, vợ chồng ông M còn nợ lại chị V số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất tổng cộng là 136.885.000 đồng. Trong năm 2023, vợ chồng ông M có trả cho chị V số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng nên đến nay, vợ chồng ông Trần Văn M và bà Hà Thị N còn nợ chị V số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất tổng cộng là 126.885.000 đồng. Nay ông M, bà N đồng ý trả cho chị V số tiền còn nợ tổng cộng là 126.885.000 đồng. Hiện nay vợ chồng ông, bà gặp khó khăn về kinh tế nên xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin chị V không tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc.

Tại phiên tòa sơ thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoài P trình bày:

Anh P là chồng của chị Thạch Thị Sa V, chị V là chủ hộ kinh doanh T. Trong nội dung hợp đồng mua bán, có ghi bên bán là anh P và vợ anh P đại diện đại lý thức ăn thủy sản T ký hợp đồng với ông Trần Văn M và bà Hà Thị N. Tiền kinh doanh là tài sản chung của vợ chồng nên khi lập hợp đồng có ghi tên anh P nhưng điều hành và đại diện cho việc kinh doanh do chị V là người điều hành và làm chủ. Anh P thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị V, không có ý kiến gì thêm.

\* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là các đương sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền còn nợ mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản là 126.885.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 16/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, các bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị đơn, nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện ông Trần Văn M và bà Hà Thị N, cùng cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M, bà N phải trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc, hóa chất còn nợ và tiền lãi suất. Chị V đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị V nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị V đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị V là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo nội dung đơn khởi kiện, chị V yêu cầu ông M và bà N phải có trách nhiệm trả cho chị V số tiền nợ gốc là 136.885.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 16/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị V thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án buộc ông M và bà N phải có trách nhiệm trả cho chị V số tiền nợ gốc là 126.885.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 16/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu

khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền đã mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản còn nợ là 126.885.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 16/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ với lãi suất là 1%/1 tháng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn ông Trần Văn M và bà Hà Thị N đều thừa nhận có ký hợp đồng mua bán với chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T vào ngày 29/9/2018 và tính đến ngày hôm nay, thì ông M và bà N còn nợ chị Thạch Thị Sa V – Chủ hộ kinh doanh T (sau đây gọi tắt là chị V) số tiền 126.885.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”, căn cứ vào quy định này, Hội đồng xét xử công nhận ông Trần Văn M và bà Hà Thị N còn nợ chị V số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất để nuôi thủy sản là 126.885.000 đồng là sự thật. Tại phiên tòa sơ thẩm, vợ chồng ông M, bà N xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin chị V không tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc do gặp khó khăn về kinh tế. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của các bị đơn và vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bị đơn.

[5] Căn cứ vào Điều 430 Bộ luật Dân sự quy định “Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán” và Điều 440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 1 quy định: “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng”. Thỏa thuận theo hợp đồng, thì “Bên mua có nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt 100% trước hoặc ngay sau khi thu hoạch tôm”. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm xong bên mua là ông M, bà N không thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên bán là chị V. Do đó, chị V yêu cầu các bị đơn ông M, bà N phải trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hoá chất còn nợ 126.885.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6] Xét về yêu cầu của nguyên đơn về tính lãi suất từ ngày 16/12/2020, cho đến khi trả dứt số tiền nợ với lãi suất là 1%/1 tháng trên số tiền nợ gốc 126.885.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng mua bán lập ngày 29/9/2018 giữa nguyên đơn với bị đơn, thì tại Điều 4 có quy định: “Trường hợp bên B (bên mua) không thanh toán đủ 100% công nợ cũ và mới cho bên A, thì không được tính thêm chiết khấu, đồng thời phần nợ còn lại sẽ tính lãi suất 1%/tháng cho đến khi bên B thanh toán hết”; tại biên bản xác nhận nợ lập ngày 24/12/2022 giữa nguyên đơn và bị đơn đều có thỏa thuận trả lãi suất cho nguyên đơn 1%/tháng/ số tiền kể từ ngày nhận nợ là ngày 15/12/2020. Căn cứ vào Điều

440 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền, thì tại khoản 3 quy định: “Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này”, theo khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này...”. Theo khoản 1 Điều 468 quy định “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có quy định khác...”. Căn cứ vào các quy định nêu trên, nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền lãi suất 1%/1 tháng trên số tiền nợ gốc 126.885.000 đồng tính từ ngày 16/12/2020 cho đến khi trả dứt nợ là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi tính từ ngày 16/12/2020 đến ngày 13/8/2024 là 43 tháng 29 ngày x 126.885.000 đồng x 1%/tháng = 55.787.105 đồng.

[7] Từ những nhận định tại các đoạn [4], [5], [6], Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tiền mua thức ăn nuôi tôm, vôi, thuốc và hóa chất còn nợ với số tiền 126.885.000 đồng và số tiền lãi là 55.787.105 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 182.672.105 đồng.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên các bị đơn ông Trần Văn M và bà Hà Thị N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.133.605 đồng. Các bị đơn ông M và bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các bị đơn được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Nguyên đơn chị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 357; Điều 430; khoản 1, 3 Điều 440 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ Hộ kinh doanh T đối với các bị đơn ông Trần Văn M và bà Hà Thị N.

2. Xử buộc các bị đơn ông Trần Văn M và bà Hà Thị N phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ Hộ kinh doanh T tiền mua thức ăn thủy sản, vôi, thuốc và hóa chất còn nợ vốn gốc với số tiền 126.885.000 đồng và số tiền lãi là 55.787.105 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi là 182.672.105 đồng (một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn một trăm linh năm đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 14/8/2024), ông M và bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận 1%/tháng của số tiền nợ vốn gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ vốn gốc trên.

### 3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn ông Trần Văn M và bà Hà Thị N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.133.605 đồng. Các bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên các bị đơn được miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.133.605 đồng.

3.2. Nguyên đơn chị Thạch Thị Sa V – Chủ Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 3.400.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004436 ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Đã ký**

**Đặng Phước Tuấn**